

UBND XÃ TÂN CHÂU

TRƯỜNG TIỂU HỌC DIỄN THỌ PHỤ LỤC 2

Chuẩn đầu ra chất lượng học tập của học sinh năm học 2025 – 2026

*** Điểm bình quân các môn học:**

TT	Số liệu	Khối lớp 1	Khối lớp 2	Khối lớp 3	Khối lớp 4	Khối lớp 5	Điểm KSCL khối 5 (Toán, TV; TA)
1	Tổng số HS/số lớp	152	157	152	178	174	
2	Số HS đỗ vào các trường chuyên					16	
1	Điểm TBC môn Toán	8.3	8.4	8.4	7.9	8.0	8.0
2	Điểm TBC môn Tiếng Việt	7.0	8,4	8,2	7.9	7.8	7.8
3	Điểm TBC môn Khoa học				8,9	9,0	
4	Điểm TBC môn Lịch sử và Địa lý				8.6	8,6	
5	Điểm TBC môn Tiếng Anh			7.5	8,0	7.4	7.4
6	Điểm TBC môn Tin học			8,8	8,7	8.6	
7	Công nghệ			8.6	8.5	8.6	

*** Kết quả đánh giá môn học và HĐGD.**

	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
	TS	Tỷ lệ	TS	Tỷ lệ	TS	Tỷ lệ	TS	Tỷ lệ	TS	Tỷ lệ
Tổng số học sinh	152		157		152		178		174	
1. Toán										
Hoàn thành tốt	120	78.4	124	78,9%	121	79,6	141	79,6	142	81,6
Hoàn thành	31	20.2	33	21,1%	31	21,4	37	21,4	32	18,4
Chưa hoàn thành	2	1.4								
2. Tiếng Việt										
Hoàn thành tốt	120	78.4	124	78,9%	121	79,6	141	79,6	142	81,6
Hoàn thành	31	20.2	33	21,1%	31	21,4	37	21,4	32	18,4
Chưa hoàn thành	2	1.4								
3. Khoa học										
Hoàn thành tốt							150	84,7	148	85,0
Hoàn thành							28	15,3	26	15,0
4. Lịch sử & địa lí										
Hoàn thành tốt							145	81,5	144	82,7
Hoàn thành							33	18,5	28	17,3
5. Đạo đức										
Hoàn thành tốt	121	79.7	127	81,0	120	79,0	142	80,1	141	81,2
Hoàn thành	31	20.3	30	19,0	32	21,0	36	19,9	33	18,8

6. Tự nhiên và Xã hội.										
Hoàn thành tốt	121	79.7	127	81,0	120	79,0				
Hoàn thành	31	20.3	30	19,0	32	21.0				
7. Âm nhạc										
Hoàn thành tốt	106	70.0	111	71,0	109	71,7	130	73,0	128	73,5
Hoàn thành	44	30.0	46	29,0	48	28,3	48	27,0	46	27,5
8. Mỹ thuật										
Hoàn thành tốt	106	70.0	111	71,0	109	71,7	128	71,9	125	72,2
Hoàn thành	44	30.0	46	29,0	48	28,3	50	28,1	49	27,8
9. HĐ trải nghiệm										
Hoàn thành tốt	121	79.7	127	81,0	120	79,0	142	80,1	141	81,2
Hoàn thành	31	20.3	30	19,0	32	21.0	36	19,9	33	18,8
10. GDTC										
Hoàn thành tốt	116	76.6	124	78,9	114	75,0	138	77,9	130	75,5
Hoàn thành	36	23.4	33	21,1	38	25,0	40	22,1	44	24,5
11. Công nghệ										
Hoàn thành tốt					114	75,0	141	79,6	135	77,5
Hoàn thành					38	25,0	37	20,4	39	22,5
12. Tin học										
Hoàn thành tốt					114	75,0	141	79,6	135	77,5
Hoàn thành					38	25,0	37	20,4	39	22,5
13. Ngoại ngữ										
Hoàn thành tốt					109	72,2	130	73,0	128	73,5
Hoàn thành					43	22,8	48	27,0	46	27,5

***Kết quả đánh giá cuối năm học:**

TT	Nội dung	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
1	Đánh giá Kết quả cuối năm	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
		152		157		152		178		174	
1.1	Hoàn thành xuất sắc	53	35,4	55	35,0	54	35,5	63	35,5	67	38,0
1.2	Hoàn thành tốt	53	35,4	55	35,0	53	34,8	63	35,5	46	29,0
1.3	Hoàn thành	44	27,8	47	30,0	45	29,9	52	29,0	61	35,0
1.4	Chưa hoàn thành	2	1,4								
2	Danh hiệu khen thưởng										
2.1	Học sinh <i>Xuất sắc</i>	53	35,4	55	35,0	54	35,5	63	35,5	67	38,0
2.2	Học sinh <i>Tiêu biểu</i>	53	35,4	55	35,0	53	34,8	63	35,5	46	29,0

	hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện.										
2.3	Khen cấp huyện	39		39		39		39		39	
2.4	Cấp tỉnh	13		18		19		41		38	
3	<i>Hoàn thành CT lớp học</i>	150	98,2	157	100.0	152	100.0	178	100.0	174	100.0
3.1	Hoàn thành	150	98,6	157	100.0	152	100.0	178	100.0	174	100.0
3.2	Chưa hoàn thành	2	1,4								

HIỆU TRƯỞNG



Lưu Lương Điền